TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 09 -2022.
Về việc: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N T – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện N T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện N T tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện N T, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn," theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 772/2022/QĐXX.ST-HNGĐ ngày 11 tháng 08 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 865 /2022/QĐHPT ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Lệ X**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: xã Phú H, Huyện N T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Minh P**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xã Phú H, Huyện N T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà X, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 16/05/2022, bà Trần Lệ X nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện N T, tỉnh Đồng Nai giải quyết xin được ly hôn với ông Huỳnh Minh P Lý do xin ly hôn, theo bà X trình bày: Qua thời gian tìm hiểu, đến năm 2016 bà và ông P tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, Huyện N T, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 17/06/2016). Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, không còn

quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay bà X nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 01 cháu tên Huỳnh Tiến P, sinh ngày 15/06/2017. Sau khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu P cho ông P nuôi dưỡng vì hiện nay cháu P đang sống với ông P. Bà đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phát đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Huỳnh Minh P, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông P vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án nhân dân Huyện N T không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ông P vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng, còn bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông P để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông P vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông P đã tự bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng bà X, ông P đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X, giải quyết cho bà X được ly hôn với ông P để trả tự do cả hai.

Về con chung: Có 01 cháu tên Huỳnh Tiến P, sinh ngày 15/06/2017. Sau khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu P cho ông P nuôi dưỡng vì hiện nay cháu P đang sống với ông P. Bà đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phát đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà X phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bà Trần Lệ X xin ly hôn với ông Huỳnh Minh P có địa chỉ cư trú tại: ấp Phú Mỹ 2, xã Phú Hội, Huyện N T, tỉnh Đồng Nai. Theo biên bản xác minh của công an xã Phú Hội cung cấp thông tin: ông Huỳnh Minh P có đăng ký thường trú tại địa chỉ xã Phú Hội, Huyện N T, Huyện N T, tỉnh Đồng Nai và hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Huyện N T có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Minh P, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông Huỳnh Minh P vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Lệ X và ông Huỳnh Minh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, Huyện N T, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 17/06/2016)), theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay bà X nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P. Qua kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của bà X, ông P thì được biết mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm rõ do không có báo với địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông P để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông P vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông P đã bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà X, ông P đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X, giải quyết cho bà X được ly hôn với ông P để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tiến P, sinh ngày 15/06/2017. cho ông Huỳnh Minh P nuôi dưỡng. Bà X cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phát đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà X trình bày tài sản chung không có; nợ chung không có. Tuy nhiên, do ông P vắng mặt tại phiên tòa, không có lời

khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[7] Đối với phần phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Huyện N T tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án như trên. Xét thấy, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; điều 228, điều 238 Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Trần Lệ X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Lệ X được ly hôn với ông Huỳnh Minh P.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tiến P, sinh ngày 15/06/2017 cho ông Huỳnh Minh P chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà X cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phát đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà X được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, bà X, ông P được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Bà X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện N T, theo biên lai thu số 0007937 ngày 02/06/2022. Bà X còn phải nộp tiếp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Bà Trần Lệ X và ông Huỳnh Minh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND Huyện N T (2);
- THADS Huyện N T (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND xã Phú Hội, Huyện N T, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương